

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về Quản lý trật tự xây dựng
và phân cấp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Huế**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 67/2020/QH14;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 296/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định Quy định về quản lý trật tự xây dựng và phân cấp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý trật tự xây dựng và phân cấp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2026 và thay thế Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Huế) ban hành Quy định quản lý trật tự xây dựng và phân cấp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan; Giám đốc Công an thành phố; Chánh Thanh tra thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Ban Thường vụ thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- HĐND, UBND các phường, xã;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- VP: CVP và PCVP và các CV;
- Lưu: VT, XDHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Hải Minh

QUY ĐỊNH
Quản lý trật tự xây dựng và phân cấp quản lý trật tự xây dựng
trên địa bàn thành phố Huế
(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý trật tự xây dựng và phân cấp quản lý trật tự xây dựng (trừ công trình bí mật nhà nước); trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quản lý trật tự xây dựng các công trình xây dựng và tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình trên địa bàn thành phố.

2. Quy định này áp dụng đối với các công trình, bao gồm: Nhà ở riêng lẻ; Công trình xây dựng có yêu cầu thẩm định xây dựng trong trường hợp được miễn giấy phép xây dựng; Công trình xây dựng có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc lập dự án đầu tư xây dựng; Công trình xây dựng có thời hạn; Các công trình còn lại.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư: Là cơ quan, tổ chức có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án và được người quyết định đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh bao gồm:

a) Sở Xây dựng đối với dự án, công trình theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với dự án, công trình quy định tại điểm c khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;

c) Sở Công Thương đối với dự án, công trình quy định tại điểm d khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng thực hiện quy định tại điểm a khoản này);

d) Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố đối với dự án, công trình quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

3. Cơ quan được giao quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: Phòng Kinh tế đối với Ủy ban nhân dân các xã; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị đối với Ủy ban nhân dân các phường đối với dự án, công trình quy định tại khoản 9 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

Điều 4. Quy định chung trong công tác quản lý trật tự xây dựng

1. Tất cả công trình xây dựng trên địa bàn thành phố (trừ các công trình thuộc bí mật nhà nước theo quy định) phải được thường xuyên kiểm tra, giám sát từ khi tiếp nhận thông báo khởi công, khởi công xây dựng công trình cho đến khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Vi phạm về trật tự xây dựng phải được phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, dứt điểm ngay từ khi mới phát sinh, đảm bảo đúng quy trình, công khai, minh bạch. Mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục triệt để theo quy định của pháp luật.

2. Mọi thông tin phản ánh về công trình vi phạm trật tự xây dựng đều phải được kiểm tra, xử lý theo quy định.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình phối hợp phải thực hiện một cách chặt chẽ, đồng bộ, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, đảm bảo không chồng chéo, không đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm.

4. Cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng nhưng thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, buông lỏng quản lý hoặc có dấu hiệu bao che, dung túng, tiếp tay cho các hành vi vi phạm trật tự xây dựng thì tùy theo tính chất, mức độ sai phạm bị xử lý hành chính, bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thi công xây dựng công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định trừ trường hợp được miễn giấy phép xây dựng theo quy định.

6. Công khai giấy phép xây dựng tại địa điểm thi công xây dựng trong suốt quá trình thi công (trừ trường hợp được miễn giấy phép xây dựng).

7. Tổ chức thi công xây dựng công trình đúng nội dung giấy phép xây dựng được cấp; hoặc công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định hiện hành.

8. Thực hiện thủ tục để điều chỉnh, gia hạn giấy phép xây dựng (nếu có) theo quy định.

9. Xây dựng công trình phải đúng hồ sơ thiết kế xây dựng được thẩm định trong trường hợp được miễn giấy phép xây dựng; đúng theo quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; đúng mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai; không được coi nói, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung.

10. Tổ chức thi công xây dựng công trình phải che chắn không để rơi vãi vật liệu xây dựng xuống các khu vực xung quanh; để vật liệu xây dựng đúng nơi quy định.

11. Tổ chức thi công xây dựng công trình đảm bảo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng; không được gây lún, nứt hoặc hư hỏng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình lân cận hoặc gây sụp đổ hoặc có nguy cơ gây sụp đổ công trình lân cận.

Điều 5. Nội dung phối hợp quản lý trật tự xây dựng

1. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, vận động các tổ chức và cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng.

2. Phối hợp trong công tác kiểm tra, phát hiện và xử lý công trình vi phạm trật tự xây dựng.

3. Phối hợp trong việc cung cấp thông tin, báo cáo về tình hình quản lý trật tự xây dựng.

Điều 6. Các loại công trình xây dựng trong công tác quản lý trật tự xây dựng

1. Nhà ở riêng lẻ.

2. Công trình xây dựng có yêu cầu thẩm định xây dựng trong trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

3. Công trình xây dựng có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc lập dự án đầu tư xây dựng.

4. Công trình xây dựng có thời hạn.

5. Công trình xây dựng khác là công trình xây dựng trừ các công trình quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 7. Hành vi vi phạm trật tự xây dựng

Hành vi vi phạm trật tự xây dựng được quy định tại Điều 16 Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng và Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Nội dung kiểm tra trật tự xây dựng

Căn cứ quy mô, tính chất và tiến độ đầu tư xây dựng công trình, nội dung kiểm tra được thực hiện như sau:

1. Đối với công trình phải có giấy phép xây dựng (bao gồm giấy phép xây dựng có thời hạn):

a) Kiểm tra hồ sơ pháp lý

- Kiểm tra sự tuân thủ các nội dung theo hồ sơ đã được cấp trong Giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng có thời hạn);
- Hợp đồng thi công xây dựng; Hợp đồng tư vấn giám sát thi công (nếu có);
- Hồ sơ năng lực của Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát thi công, Tư vấn quản lý dự án (Đối với trường hợp pháp luật có yêu cầu về điều kiện, năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng theo quy định).

b) Kiểm tra hiện trường

- Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư theo hồ sơ giấy phép xây dựng được cấp, gồm: Ranh giới đất, chỉ giới xây dựng, cốt công trình, diện tích xây dựng; chiều cao các tầng, số tầng, tổng chiều cao công trình; việc mở cửa sổ, cửa đi, các chi tiết ô văng, ban công;
- Kiểm tra việc đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây dựng và vệ sinh môi trường: Công tác che chắn an toàn, biện pháp an toàn trong thi công xây dựng, thiết bị thi công;
- Kiểm tra việc tuân thủ giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.

2. Đối với công trình miễn giấy phép xây dựng:

a) Đối với nhà ở riêng lẻ (Công trình xây dựng cấp IV, công trình nhà ở riêng lẻ có quy mô dưới 07 tầng có tổng diện tích sàn xây dựng dưới 500 m² và không thuộc một trong các khu vực: khu chức năng, khu vực phát triển đô thị được xác định trong quy hoạch chung thành phố; khu chức năng, khu dân cư nông thôn, khu vực phát triển đô thị được xác định trong quy hoạch chung đô thị thuộc tỉnh, thuộc thành phố, quy hoạch chung khu kinh tế, khu du lịch quốc gia; khu vực xây dựng được xác định trong quy hoạch chung xã; khu vực đã có quy chế quản lý kiến trúc):

- Kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật;
- Kiểm tra sự tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch của việc xây dựng với quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt;
- Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư theo chỉ tiêu quy hoạch, gồm: Ranh giới đất, chỉ giới xây dựng, cốt công trình, diện tích xây dựng; chiều cao các tầng, số tầng, tổng chiều cao công trình; việc mở cửa sổ, cửa đi, các chi tiết ô văng, ban công;
- Kiểm tra việc đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây dựng và vệ sinh môi trường: Công tác che chắn an toàn, biện pháp an toàn trong thi công xây dựng, thiết bị thi công.

b) Đối với các công trình còn lại (quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm e và điểm h khoản 2 Điều 43 của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15):

- Kiểm tra hồ sơ pháp lý:

+ Kiểm tra việc đáp ứng các điều kiện miễn giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật;

+ Kiểm tra sự tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch của việc xây dựng với quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt;

+ Kiểm tra sự phù hợp với các nội dung kèm theo hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, hồ sơ thiết kế sau thiết kế cơ sở được phê duyệt;

+ Hợp đồng thi công xây dựng; Hợp đồng tư vấn giám sát thi công; Hợp đồng tư vấn quản lý dự án (nếu có);

+ Hồ sơ năng lực của Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát thi công, Tư vấn quản lý dự án;

- Kiểm tra hiện trường:

+ Kiểm tra việc chấp hành của chủ đầu tư theo hồ sơ thiết kế đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định phê duyệt, hoặc các quy định về quản lý quy hoạch, kiến trúc và các quy định khác có liên quan: Ranh giới đất, chỉ giới xây dựng, cốt công trình, diện tích xây dựng; chiều cao các tầng, số tầng, tổng chiều cao công trình; số phòng; diện tích các khu dịch vụ (nhà trẻ, nhà sinh hoạt cộng đồng); diện tích đậu đỗ xe; việc trở cửa sổ, cửa đi, các chi tiết ô văng, ban công, các thiết bị điều hòa, thông gió có ảnh hưởng đến không gian xung quanh;

+ Kiểm tra việc đảm bảo an toàn trong quá trình thi công xây dựng và vệ sinh môi trường: Công tác che chắn an toàn, biện pháp an toàn trong thi công xây dựng; việc sử dụng máy móc, thiết bị tại công trình;

+ Kiểm tra việc tuân thủ giấy phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác.

Điều 9. Số lần kiểm tra

Sau khi nhận được thông báo khởi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (theo quy định tại Phụ lục V Nghị định số 06/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng), cơ quan chuyên môn về xây dựng sẽ thực hiện kiểm tra trong quá trình thi công, với số lần kiểm tra gồm:

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện không quá 03 lần kiểm tra đối với công trình cấp đặc biệt và công trình cấp I.

2. Đối với các công trình còn lại, số lần kiểm tra không quá 02 lần trong suốt quá trình thi công, trừ trường hợp công trình có sự cố về chất lượng hoặc trường hợp chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

Điều 10. Công tác chuẩn bị

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý trật tự xây dựng, xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm để triển khai công tác quản lý trật tự xây dựng. Trước khi lập kế hoạch kiểm tra phải tổ chức khảo sát thực tế để ghi nhận, nắm rõ tình hình địa bàn quản lý.

2. Trước khi kiểm tra, Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Thông báo kiểm tra, đồng thời gửi Thông báo kiểm tra cho Chủ đầu tư trước 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra, trừ trường hợp đột xuất.

3. Chủ đầu tư có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ có liên quan theo quy định tại nội dung Thông báo kiểm tra.

Điều 11. Công tác phối hợp kiểm tra, xử lý

1. Đối với các công trình xây dựng và dự án đầu tư xây dựng nằm trong cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp xã: Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn, bao gồm việc phát hiện vi phạm, lập hồ sơ, áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với công trình xây dựng tại khoản 1 Điều 12 quy định này: Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với công trình xây dựng trên địa bàn) kiểm tra, phát hiện vi phạm báo cáo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo thẩm quyền; Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn sau khi nhận báo cáo kiểm tra từ Ủy ban nhân dân cấp xã, lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Đối với công trình xây dựng thuộc trách nhiệm theo dõi kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn quy định tại khoản 2 Điều 12 quy định này: Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố kiểm tra, phát hiện vi phạm; khi phát hiện vi phạm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có công trình vi phạm) phải yêu cầu dừng thi công, Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm chủ trì xử lý, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn, sau khi nhận báo cáo của cơ quan liên quan, lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo quy định.

Điều 12. Phân cấp về quản lý trật tự xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Cơ quan chuyên môn về xây dựng chịu trách nhiệm ngăn chặn và xử lý đối với công trình cấp II trở lên (trừ công trình thuộc địa bàn Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố); công trình xây dựng nằm trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên; công trình xây dựng do các Bộ và cơ quan ngang Bộ phê duyệt; do các Sở chuyên ngành cấp hoặc phê duyệt trên địa bàn thành phố (trừ công trình bí mật nhà nước) được phân cấp quản lý, cụ thể:

- Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan ngăn chặn và xử lý đối với công trình theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan chịu trách nhiệm ngăn chặn và xử lý đối với dự án, công trình quy định tại điểm c khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP;

- Sở Công Thương chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan chịu trách nhiệm ngăn chặn và xử lý đối với dự án, công trình quy định tại điểm d khoản 6 Điều 121 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP (trừ dự án, công trình do Sở Xây dựng thực hiện quy định tại điểm a khoản này);

b) Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình được phân cấp quản lý trật tự xây dựng theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố:

a) Chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn đối với các công trình xây dựng thuộc dự án do Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố trực tiếp quản lý vốn; các công trình, dự án đầu tư xây dựng của các tổ chức, nhà đầu tư trong và ngoài nước trong khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn quản lý (trừ công trình nhà ở riêng lẻ); Trường hợp phát hiện công trình vi phạm trật tự xây dựng, kịp thời ngăn chặn lập biên bản làm việc (nêu rõ hành vi vi phạm) và có văn bản thông báo đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng (file mềm hoặc bản giấy) được phân cấp quản lý trật tự xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các công trình trên địa bàn (trừ công trình tại khoản 2 Điều này); Trường hợp phát hiện công trình tại khoản 1 Điều này vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý hoặc tiếp nhận thông tin từ các cơ quan, đơn vị có liên quan, kịp thời ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc có văn bản thông tin đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, xử lý theo thẩm quyền trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan xử lý đối với công trình xây dựng từ cấp III trở xuống, các công trình trên địa bàn Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố, công trình nhà ở riêng lẻ (bao gồm cả trên địa bàn Khu kinh tế) do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy phép xây dựng (trừ công trình tại khoản 1 Điều này);

c) Tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng (file mềm hoặc bản giấy) được phân cấp quản lý trật tự xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Điều 13. Nội dung quản lý trật tự xây dựng

1. Thực hiện quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố (trừ công trình bí mật nhà nước) theo quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng; các công trình được quy định tại khoản 2 Điều 67 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP.

2. Đối với công trình xây dựng không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thì thực hiện quản lý theo các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 14. Trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn theo phân cấp tại khoản 3 Điều 12 của Quy định này. Lập biên bản vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý (bao gồm trên địa bàn Khu kinh tế, công nghiệp);

b) Giám sát việc ngừng thi công, áp dụng các biện pháp cần thiết buộc dừng thi công theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

c) Thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Chịu trách nhiệm đối với các hoạt động xây dựng trên đất không được phép xây dựng trong phạm vi quản lý. Khi phát hiện vi phạm, kịp thời chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng thông báo, phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

đ) Phân công và giao nhiệm vụ cho các phòng chuyên môn, cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên theo dõi, kiểm tra, thông tin kịp thời về tình hình thi công xây dựng các công trình trên địa bàn; kịp thời phát hiện, lập hồ sơ vi phạm về trật tự xây dựng;

e) Công bố, công khai nội dung giấy phép xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã; thông tin nội dung giấy phép xây dựng do Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố cấp nơi có công trình được cấp phép để phối hợp quản lý;

g) Lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; ban hành quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng theo thẩm quyền. Hoàn thiện hồ sơ, kịp thời trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về trật tự xây dựng trong trường hợp vượt thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với các công trình tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Quy định này); tổ chức, thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

h) Mở sổ theo dõi việc tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình; tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ vi phạm về trật tự xây dựng và ban hành các quyết định xử lý vi phạm theo thẩm quyền; kịp thời chuyển hồ sơ và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử lý đối với các trường hợp vượt thẩm quyền đối với các công trình tại điểm a khoản 3 Điều 12 của Quy định này; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc dừng thi công công trình sau khi lập biên bản vi phạm hành chính. Trường hợp chủ đầu tư, nhà thầu, người vi phạm không chấp hành yêu cầu dừng thi công công trình thì phải lập biên bản tái vi phạm; kịp thời báo cáo, tham mưu, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố để xử lý theo quy định; thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

i) Chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ, áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời ngăn chặn đối với các công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, không để vi phạm tiếp diễn sau khi đã có biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền;

k) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý gửi về Sở Xây dựng theo định kỳ hằng quý, 06 tháng và 01 năm (báo cáo trước ngày 30 tháng 11 hằng năm theo Mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy định này) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Sở Xây dựng.

2. Sở Xây dựng

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, điều hành công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố theo quy định tại khoản 8 Điều 121 của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

b) Chủ trì tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn theo phân cấp tại khoản 1 Điều 12 của Quy định này;

c) Đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng theo phân cấp; đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn khi tiếp nhận thông tin phản ánh của nhân dân, báo chí hoặc phát hiện trong quá trình giải quyết đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo và phản hồi bằng văn bản đối với các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn khi Sở Xây dựng đã có văn bản đề nghị xử lý;

d) Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng công trình theo phân cấp, kèm theo các tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật về xây dựng. Hướng dẫn chủ đầu tư hoàn chỉnh thông báo khởi công xây dựng nếu chưa đủ điều kiện. Mở, vào sổ theo dõi và lưu trữ việc tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn quản lý;

đ) Công bố, công khai nội dung giấy phép xây dựng do Sở Xây dựng cấp và các công trình do Sở Xây dựng thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở thuộc trường hợp miễn giấy phép xây dựng trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng và thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã có công trình được cấp phép để theo dõi và quản lý;

e) Hằng năm, xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra trách nhiệm trong công tác quản lý trật tự xây dựng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã;

g) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng đối với các công trình; tổ chức kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố;

h) Thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng công trình vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý;

i) Thực hiện kiểm tra quản lý trật tự xây dựng theo quy định pháp luật đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về quy định quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố (nếu cần thiết);

k) Chủ trì tổng hợp tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Xây dựng theo định kỳ hằng quý và 01 năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu theo đúng quy định của pháp luật.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố

a) Chủ trì tổ chức thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn theo phân cấp tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Quy định này;

b) Phối hợp với cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra trật tự xây dựng trên địa bàn được phân cấp quản lý;

c) Đình chỉ xây dựng, thu hồi giấy phép xây dựng theo thẩm quyền khi chủ đầu tư xây dựng công trình vi phạm nghiêm trọng đối với các dự án trên địa bàn quản lý;

d) Công bố, công khai nội dung giấy phép xây dựng do Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố cấp và các thông tin quy hoạch trong địa bàn trên trang thông tin điện tử của Ban và thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình được cấp phép để phối hợp quản lý;

đ) Phối hợp tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế trong lĩnh vực xây dựng thuộc địa bàn quản lý do cấp có thẩm quyền ban hành;

e) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý gửi về Sở Xây dựng theo định kỳ hằng quý, 06 tháng và 01 năm (báo cáo trước ngày 30 tháng 11 hằng năm theo Mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy định này) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Sở Xây dựng.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng liên quan:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác kiểm tra nhằm phát hiện và báo cáo cơ quan liên quan để phối hợp ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng thuộc địa bàn quản lý; Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn vi phạm kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm

quyền xử lý các dự án đô thị do Ban Quản lý dự án được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư.

b) Kịp thời thông tin các hành vi vi phạm trật tự xây dựng và cung cấp hồ sơ quy hoạch cho Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã để làm cơ sở xử lý các công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý;

c) Phối hợp tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế trong lĩnh vực xây dựng thuộc địa bàn quản lý do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Ngoài trách nhiệm được phân công tại Điều 11 và Điều 12:

a) Cung cấp thông tin về thửa đất để phục vụ kiểm tra xử lý vi phạm trật tự xây dựng, xem xét tham mưu khi cấp giấy chứng nhận liên quan đến quyền sở hữu công trình của các cá nhân, tổ chức trong trường hợp cần xác minh thêm thông tin về mức độ công trình vi phạm trật tự xây dựng để dừng cấp giấy chứng nhận đối với công trình vi phạm;

b) Xem xét tạm dừng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đối với các trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm trật tự xây dựng nhưng chưa chấm dứt hành vi vi phạm, chưa chấp hành các quyết định xử lý vi phạm hành chính hoặc chưa chấp hành xong các biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi vi phạm trật tự xây dựng gây ra;

c) Chủ trì, chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc thường xuyên phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc kiểm tra công trình chuyên ngành tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Quy định này, xử lý các trường hợp xây dựng công trình vi phạm hành lang bảo vệ đề điều, hành lang thoát lũ và phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý;

d) Công bố, công khai nội dung hồ sơ công trình chuyên ngành tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Quy định này trên trang thông tin điện tử của cơ quan và thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã có công trình trên địa bàn để theo dõi và quản lý;

đ) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý gửi về Sở Xây dựng theo định kỳ hằng quý, 06 tháng và 01 năm (báo cáo trước ngày 30 tháng 11 hằng năm theo Mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy định này) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Sở Xây dựng.

3. Sở Văn hóa và Thể thao

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra và xử lý kịp thời những trường hợp lắp đặt biển quảng cáo không đúng quy định, gây mất an toàn và mỹ quan đô thị;

b) Chỉ đạo các cơ quan được giao quản lý các khu di tích lịch sử - văn hóa kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ đối với mọi hoạt động có liên quan đến xây dựng công trình thuộc phạm vi quản lý. Trường hợp kiểm tra, phát hiện công trình vi phạm trật tự xây dựng thì thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xử lý vi phạm trật tự xây dựng đối với các công trình tôn giáo, tín ngưỡng.

5. Sở Công Thương: Ngoài trách nhiệm được phân công tại Điều 11 và Điều 12:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố trong việc xử lý vi phạm trật tự xây dựng đối với các công trình trong khu công nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc xử lý vi phạm trật tự xây dựng đối với các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp;

b) Công bố, công khai nội dung hồ sơ công trình chuyên ngành tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Quy định này trên trang thông tin điện tử của cơ quan và thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã có công trình trên địa bàn để theo dõi và quản lý;

c) Tổng hợp báo cáo tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý gửi về Sở Xây dựng theo định kỳ hằng quý, 06 tháng và 01 năm (báo cáo trước ngày 30 tháng 11 hằng năm theo Mẫu tại Phụ lục kèm theo Quy định này) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo Sở Xây dựng.

6. Công an thành phố Huế

a) Tổ chức tuần tra, kiểm soát, đảm bảo trật tự và chủ động giải quyết các vụ việc về an ninh, trật tự xảy ra trên địa bàn. Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự theo quy định của pháp luật và Bộ Công an.

b) Bảo đảm an ninh, trật tự trong cưỡng chế thi hành án dân sự và cưỡng chế vi phạm hành chính khi có yêu cầu; chủ động triển khai hiệu quả các giải pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các vụ việc phức tạp về an ninh trật tự ở cơ sở và hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn.

7. Thanh tra thành phố Huế

Đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý trách nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức, cá nhân được phân công quản lý trật tự xây dựng mà buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ để xảy ra nhiều vi phạm hoặc vi phạm nghiêm trọng trên địa bàn được phân công quản lý.

8. Kho bạc Nhà nước khu vực XIII

Chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện việc thu tiền phạt vi phạm hành chính theo đúng quy định của pháp luật; việc khấu trừ tiền thanh toán qua Kho bạc Nhà nước của các tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính để thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nếu tổ chức, cá nhân bị xử phạt không tự nguyện chấp hành.

9. Ngân hàng Nhà nước khu vực 9

Chỉ đạo các phòng chuyên môn thực hiện việc khấu trừ tiền gửi từ tài khoản của các tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính để thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 296/2025/NĐ-CP quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

10. Thủ trưởng doanh nghiệp, cá nhân cung cấp dịch vụ điện, nước và các dịch vụ khác

Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm liên quan đến công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng khi có yêu cầu.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Xử lý chuyển tiếp

1. Các công trình xây dựng, dự án đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận xử lý hồ sơ trước ngày Quy định này có hiệu lực thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp trả lại hồ sơ để hoàn thiện thì gửi hồ sơ đến cơ quan được phân cấp tại Quy định này để tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của Quy định này.

2. Các công trình xây dựng, dự án đầu tư xây dựng đã được xử lý lập biên bản hành chính phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thì không phải lập biên bản lại, các công việc tiếp theo được thực hiện theo Quy định này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban ngành trên địa bàn thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Quy định này.

2. Sở Xây dựng chủ trì, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố lập báo cáo định kỳ hằng năm trước ngày 15/12 rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình thực hiện Quy định này; kịp thời xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc (nếu có); trường hợp vượt thẩm quyền tham mưu đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, giải quyết.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quản lý nhà nước về quản lý trật tự xây dựng và thường xuyên kiểm tra, rà soát việc thực hiện quản lý trật tự xây dựng thuộc địa bàn quản lý;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành trên địa bàn thành phố phổ biến và tổ chức triển khai nội dung Quy định này đến các công chức, viên chức thuộc cấp mình quản lý, cán bộ lãnh đạo và người được giao nhiệm vụ quản lý trật tự xây dựng cấp xã; công an cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đóng trên địa bàn;

c) Tuyên truyền phổ biến pháp luật về quản lý trật tự xây dựng đến nhân dân trên địa bàn.

4. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp thành phố, các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác kiểm tra nhằm phát hiện và báo cáo các cơ quan liên quan để ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về trật tự xây dựng thuộc địa bàn quản lý.

5. Việc tiếp nhận thông tin, phản ánh hiện trường tình hình trật tự xây dựng được thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Huế) Ban hành quy định triển khai hệ thống thông tin phản ánh hiện trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Cán bộ, công chức, viên chức được phân công quản lý trật tự xây dựng căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp kiểm tra trật tự xây dựng, hướng dẫn các tổ chức và cá nhân thực hiện đúng quy định pháp luật về trật tự xây dựng.

7. Những nội dung về phân cấp quản lý trật tự xây dựng không quy định cụ thể tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của Luật Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP; Nghị định số 16/2022/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới.

8. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có phát sinh cần điều chỉnh nhưng vượt quá phạm vi được phân công, phân cấp, ủy quyền hoặc có vướng mắc, các đơn vị gửi ý kiến bằng văn bản về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TRA CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND)

Mẫu báo cáo	Báo cáo tình hình kiểm tra công trình xây dựng trên địa bàn
-------------	---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm...

Về tình hình kiểm tra công trình xây dựng định kỳ (quý/ 06 tháng/ năm)
trên địa bàn (xã, phường)

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Huế

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA TRẬT TỰ XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN

1. Thống kê số lượng công trình thông qua công tác kiểm tra theo thẩm quyền

[illegible]

2. Thống kê số lượng công trình vi phạm đã xử lý

[illegible]

Báo cáo KTKT hoặc lập dự án ĐTXD									
Công trình khác									
Tổng cộng									

3. Bảng kê chi tiết số liệu xử lý vi phạm trật tự xây dựng

Stt	Tên Chủ đầu tư - Địa chỉ	Tên công trình - Địa chỉ	Loại công trình (phân loại theo mục 1, 2 Phần I)	Hành vi vi phạm	Kết quả xử lý			Kết quả theo dõi				Ghi chú
					Quyết định XPVPHC (ghi số, ngày ban hành)	Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính	Quyết định cưỡng chế phá dỡ (ghi số, ngày ban hành)	Việc chấp hành nộp phạt (Đã thực hiện/ chưa thực hiện)	Việc chấp hành biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)		Đối với hành vi phạm khác (đã thực hiện/ chưa thực hiện)	
									Đối với hành vi không phép hoặc sai phép			
									Việc bổ sung GPXD (đã bổ sung/ chưa bổ sung)	Việc tháo dỡ (đã thực hiện/ chưa thực hiện)		
1												
2												
...												

II. Các nội dung báo cáo khác và đề xuất, kiến nghị (nếu có):

.....

.....

.....

Trên đây là Báo cáo tình hình kiểm tra công trình xây dựng định kỳ (tháng/06 tháng/năm) trên địa bàn

Nơi nhận:

-
-
- Lưu: VT,

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên